

Vai trò của Phật giáo trong việc hình thành và thực thi chính sách “bảo dân - an dân” thời Lý - Trần

Nguyễn Thanh Bình*, Nguyễn Minh Tuấn**, Trần Việt Thắng***

Nhận ngày 11 tháng 02 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần là giai đoạn phát triển cao nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thời phong kiến. Đây là giai đoạn mà Phật giáo ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều lĩnh vực của đời sống con người và quốc gia Đại Việt, có vai trò to lớn, đặc biệt quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển quốc gia Đại Việt và trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc. Trong bài viết này, bằng những tư liệu lịch sử, nhóm tác giả phân tích làm rõ vai trò của Phật giáo trong việc hình thành và thực thi chính sách “Bảo dân - an dân” với những biểu hiện nổi bật như: trong việc xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước mang tính nhân dân, dân tộc; trong giáo dục đạo đức và trong đời sống tinh thần của người dân; trong việc chăm lo đời sống vật chất của người dân; trong việc bảo vệ tính mạng và đảm bảo cuộc sống an bình cho người dân.

Từ khóa: Phật giáo, bảo dân, an dân, chính sách, thời Lý - Trần.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The Lý-Trần period was the period of highest development in the history of Vietnamese Buddhism in the feudal era. That was a period when Buddhism profoundly influenced many areas of the Đại Việt (Great Viet) nation and its people's life, playing a great and especially important role in the construction and development of the country, and in the struggle to protect national independence. In this article, utilizing historical documents, the authors analyze and clarify the role of Buddhism in the formation and implementation of the policy of “Protecting and Pacifying People” with outstanding manifestations such as those in creating and strengthening the state apparatus of people; in the education of ethics for and in the non-material life of the people; in taking care of their material lives; and in protecting their lives and securing a peaceful life for them.

Keywords: Buddhism, protecting the people, pacifying people, policy, Lý-Trần period.

Subject classification: Philosophy

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam và nhất là Phật giáo của thời Lý - Trần (tư tưởng, đặc điểm, ảnh hưởng và vai trò của Phật giáo đối với xã hội, văn hóa và con người Việt Nam) từ khi du nhập và tồn tại ở Việt Nam đến nay, đã thu hút, dành sự quan tâm đặc biệt trong giới nghiên cứu và được nghiên cứu từ nhiều góc độ, phương pháp tiếp cận khác nhau như Văn học, Sử học, Chính trị học, Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử tư tưởng, Giáo dục học, Đạo đức học. Kết quả của những nghiên cứu ấy được thể hiện ở rất nhiều nghiên cứu có giá trị của nhiều nhà nghiên cứu tiêu biểu. Có thể kể đến công trình nghiên cứu *Lịch sử Phật giáo Việt Nam và Trần Nhân Tông toàn tập* của Lê Mạnh Thát, *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang (còn gọi là Thích Nhất Hạnh), *Tư tưởng Phật giáo*

*, ** Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: nguyenthanhbinhtriet@gmail.com

*** Đại học Bách khoa Hà Nội.

Việt Nam của Nguyễn Duy Hinh, *Phật giáo Việt Nam* của Trần Văn Giáp, *Thiền sư Việt Nam* của Thích Thanh Từ, v.v.

Những công trình nghiên cứu tiêu biểu trên đây và ở nhiều công trình nghiên cứu khác đã phân tích, lý giải khá thuyết phục nội dung chủ yếu và đặc điểm nổi bật của Phật giáo Việt Nam; ảnh hưởng đậm nét và vai trò quan trọng của Phật giáo đến nhiều mặt của đời sống văn hóa, xã hội và con người Việt.

Bằng sự dày công nghiên cứu, Hòa thượng Thích Huệ Thông đã phân tích làm rõ vai trò nổi bật của Phật giáo thời Lý - Trần trong xây dựng nhà nước và hình thành tư tưởng trị quốc (Thích Huệ Thông, 2024: 30-32), tham gia các hoạt động quản lý nhà nước (Thích Huệ Thông, 2024: 32-35), trong xây dựng và thực thi pháp luật (Thích Huệ Thông, 2024: 35-40). Còn trong bài viết của mình, Hòa thượng Thích Khê Chơn đã phân tích vai trò của Phật giáo đối với quá trình xây dựng và phát triển xã hội Đại Việt thời Lý - Trần, thể hiện cụ thể như: Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhà vua, đội ngũ quan viên có đủ tâm, tài và năng lực quản lý, trong xây dựng nền tảng đạo đức (Thích Khê Chơn, 2024: 16-19), phò tá triều đình quản trị có hiệu quả (Thích Khê Chơn, 2024: 19-21), chung tay giúp sức cùng triều đình thực hiện tốt công tác an sinh xã hội (Thích Khê Chơn, 2024: 21-23), giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho mọi tầng lớp nhân dân (Thích Khê Chơn, 2024: 21-22).

Trong các nghiên cứu về Phật giáo thời Lý - Trần từ trước đến nay, có một số bài nghiên cứu về vai trò “bảo dân - an dân” của Phật giáo. Mặc dù vậy, những nghiên cứu về nội dung này chưa được nhiều và chưa được luận giải đầy đủ, thuyết phục, do vậy, vấn đề này không chỉ cần phải được tiếp tục mà phải được bổ sung, luận giải thêm. Mặt khác, chúng tôi cho rằng, bất kỳ một tư tưởng, lý luận nào nó chỉ ảnh hưởng và có vai trò đối với xã hội, con người khi nó được nhận thức và vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của con người. Tư tưởng của Phật giáo cũng vậy. Điều này được thể hiện rõ từ khi nó được nhiều nhà vua thời Lý - Trần dựa vào và vận dụng thực tiễn xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

Trong bài viết này, trên cơ sở tham khảo một số công trình nghiên cứu về Phật giáo và những ghi chép trong một vài bộ *Quốc sử*, chúng tôi cố gắng phân tích làm rõ vai trò của Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần trong việc góp phần hoạch định và thực thi chính sách “Bảo dân - an dân”. Đây chính là vấn đề mà chúng tôi quan tâm đặt ra.

Bảo dân: “Bảo” là: cái quý giá, cái quý trọng. Theo đó, “Bảo dân” là coi người dân là người quý giá, quý trọng. “Bảo” hay “Bảo hộ”: là bảo vệ, giữ gìn, chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giúp đỡ. Với nghĩa như vậy, “Bảo dân” là sự bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng, giúp đỡ người dân. Với tư cách là một khái niệm chính trị - pháp lý cơ bản, “Bảo dân” là hoạt động cơ bản của Nhà nước hay thể chế chính trị nhằm bảo vệ quyền và lợi ích cơ bản, chính đáng của người dân; là tổng thể các hoạt động giúp đỡ về mọi mặt mà Nhà nước dành cho người dân. Nó bao gồm các hoạt động như giúp đỡ, tạo môi trường, điều kiện vật chất và tinh thần cho người dân nhất trong sản xuất, trong cuộc sống, là những hoạt động bảo vệ tính mạng, tài sản của người dân...

Bảo dân là một trong những chính sách lớn và là nội dung cơ bản trong đường lối trị quốc của Nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần nhằm làm cho “Quốc thái, dân an”. Chính sách này thể hiện trong đường lối và trong các biện pháp trị quốc mà Nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần ban hành và triển khai thực hiện. Trọng tâm của chính sách “Bảo dân” trong thời kỳ này là bảo vệ những quyền tối thiểu nhưng cơ bản của người dân (nhất là quyền được sống) là chăm sóc, hỗ trợ người dân về mọi mặt để người dân luôn no đủ, được giáo dục, được bình yên. Còn “An dân” vừa là phương tiện vừa là mục đích của đường lối trị quốc, của chính sách “Bảo dân”. Theo đó “an dân” là bằng mọi biện pháp để làm cho dân an lạc, sống trong bình yên, bởi lẽ “dân an thì vạn sự mới an”.

Vai trò của Phật giáo trong việc hình thành, thực thi chính sách Bảo dân - an dân thời Lý - Trần được thể hiện cụ thể trong đường lối trị quốc, an dân của Nhà nước phong kiến Việt Nam, trong quan điểm và việc làm của nhiều nhà vua chịu ảnh hưởng của Phật giáo, trong quan điểm và hành động của nhiều nhà sư.

Để nghiên cứu đề tài và hoàn thiện bài viết này, nhóm tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành: Triết học, Triết học tôn giáo và khoa học liên ngành (Sử học, Chính trị học,...).

2. Vai trò nổi bật của Phật giáo trong kiến tạo và thực hiện chính sách “Bảo dân - an dân”

Nhận thức rõ vị trí vai trò của dân trong tiến trình xây dựng, phát triển đất nước và chế độ phong kiến về mọi mặt cũng như trong công cuộc bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, các triều đại phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần luôn nhất quán rằng, “Bảo dân - an dân” là một trong những chính sách lớn trong đường lối/tư tưởng trị quốc. Chính sách đó không chỉ là một trong những biện pháp hoạt động cơ bản mà còn là định hướng, là mục đích hoạt động của bộ máy Nhà nước.

Ảnh hưởng và vai trò của Phật giáo trong việc kiến tạo và thực thi chính sách “Bảo dân - an dân” được thể hiện bằng việc nhiều nhà vua và Nhà nước phong kiến thời Lý, thời Trần đã vận dụng tư tưởng Phật giáo, nhất là triết lý nhân sinh, triết lý từ bi hỷ xả, cứu khổ cứu nạn vào việc hình thành, thực thi chính sách này. Bên cạnh đó là quan điểm và hoạt động của đội ngũ các nhà sư vào sự nghiệp chung của Phật giáo, của mọi người dân Việt: xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc, trong việc giáo dục, hoàn thiện đạo đức cho người dân, cho xã hội.

Có thể khẳng định rằng, ảnh hưởng sâu sắc, vai trò và ý nghĩa quan trọng của Phật giáo trong việc kiến tạo, thực thi chính sách “Bảo dân - an dân” thời Lý - Trần là Phật giáo đã góp phần vào việc tạo lập, củng cố bộ máy Nhà nước có tính nhân dân, tính dân tộc; trong việc tạo lập “Hệ tư tưởng Nho - Phật - Lão”; trong việc giáo dục đạo đức và đáp ứng nhu cầu tâm linh cho người dân; trong việc đảm bảo đời sống vật chất no đủ và bình an cho người dân.

2.1. Vai trò của Phật giáo trong xây dựng, củng cố bộ máy Nhà nước có tính nhân dân, tính dân tộc và kiến tạo “Hệ tư tưởng Nho - Phật - Lão”

Đến đầu thế kỉ XI với việc lập ra triều Lý và việc triều Lý dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long đã mở ra một thời kỳ mới, những khả năng mới cho sự phát triển về mọi mặt của quốc gia Đại Việt và của chế độ phong kiến Việt Nam. Nhưng để thực hiện thành công những nhiệm vụ to lớn của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước về mọi mặt và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc thì vấn đề cơ bản, có ý nghĩa quyết định là phải kiến tạo một bộ máy Nhà nước có tính nhân dân, tính dân tộc và có đạo đức. Bởi chỉ như vậy, bộ máy Nhà nước ấy mới đủ năng lực, được lòng dân để tập hợp, đoàn kết và phát huy ý chí, sức mạnh của toàn dân, của cả dân tộc trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước vững mạnh, hùng cường và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Từ việc nhận thức rõ nguyên nhân chủ yếu dẫn đến “vận số” ngắn ngủi của các ông vua và cái thế chế chính trị do nhà vua đứng đầu dưới các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê là không được lòng dân, nhà sư Vạn Hạnh và nhiều nhà sư - nhà tri thức dân tộc lúc bấy giờ đã từ tri thức Phật học để đi đến khẳng định rằng, chỉ có thể tập hợp, đoàn kết, phát huy

sức mạnh của toàn dân trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc thì điều kiện tiên quyết và trọng yếu là nhà vua, bộ máy Nhà nước phải luôn có đạo đức, phải luôn thương yêu dân chúng, hành động phải vì dân, bảo dân và phải làm cho dân an lạc, quốc gia thái bình. Từ nhận thức đúng đắn này, nhà sư Vạn Hạnh đã tìm thấy ở Lý Công Uẩn một mẫu người đạo đức, có năng lực của một vị vua anh minh. Nhà sư này, bằng tài trí biện giải và với kiến văn Phật học, Nho học uyên thâm đã đóng vai trò quan trọng trong việc đưa Lý Công Uẩn lên ngôi vua là lập ra triều Lý. Ngoài ra, cũng chính nhà sư Vạn Hạnh đã thuyết phục vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long - mở ra một kỉ nguyên mới, một thời đại mới cho sự phát triển về mọi mặt của quốc gia Đại Việt.

Dưới các thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, các triều đại phong kiến đã đạt được một số thành tựu nhất định trong công cuộc phục hưng, xây dựng đất nước sau thời Bắc thuộc. Nhưng với những việc làm, những hành xử vô cùng tàn bạo với dân (như dùng vạc dầu, nhốt dân cùng hổ đói, ném dân dưới dòng sông có nhiều rắn độc,...), việc giết dân làm “lạc thú” của những ông vua này thì không bao giờ được lòng dân, được dân yêu, dân tin và nhất định cơ đồ của nhà vua, của triều đại sẽ sụp đổ. Nhận rõ chân lý hiển nhiên này, các nhà sư đầu thời Lý đã luôn cho rằng, một ông vua, một triều đại có đạo đức mới có thể trị vì thiên hạ lâu dài, mới làm cho quốc thái, dân an được. Và hơn nữa, một ông vua và một triều đại như vậy mới có thể chăm lo cuộc sống đầy đủ, bình an cho mọi người dân, mới có thể lấy ân đức mà vỗ về dân chúng khi dân chúng gặp khó khăn, sống trong cảnh lầm than. Điều này đúng như lời của nhà sư Vạn Hạnh nói với vua Lý Công Uẩn: “Ông là người công minh dung thứ, khoan hồng nhân từ, lòng người phụ thuộc. Hiện nay trăm họ khốn khổ, dân không chịu nổi, ông nhân thế lấy ân đức mà vỗ về, thì người ta tất xô nhau kéo về như nước chảy chỗ thấp, ai có thể ngăn lại được” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 156).

Quan điểm của nhà sư Vạn Hạnh và nhiều nhà sư khác đầu thời Lý về một ông vua, một triều đại có đạo đức, được lòng dân và làm cho dân an lạc đã trở thành căn cứ chủ yếu, là định hướng và là mục đích cơ bản chi phối mọi suy tư, hành động của nhà vua trong đường lối trị quốc, an dân.

Do ảnh hưởng bởi tư tưởng Phật giáo và vận dụng tư tưởng Phật giáo vào lĩnh vực chính trị, trong tư tưởng của nhiều nhà sư, nhà tư tưởng, nhà vua thời Lý - Trần về những đặc trưng cơ bản của một xã hội cần phải kiến tạo cho thấy, cái xã hội ấy phải là xã hội mà mọi người dân được giàu có, được vui sống trong an lạc, thái bình. Chẳng hạn như trong lời *Văn bia chùa Linh Xứng* chỉ rõ: Nhà vua phải luôn coi sự no ấm của người dân là điều cơ bản nhất, người già cả được nuôi dưỡng, chăm sóc, an vui, trăm họ được giúp đỡ, mọi người được yêu mến, sai bảo dân thì đôn hậu. Có bảo dân như vậy, dân mới an, nhà vua mới được dân yêu mến, kính trọng (Đinh Gia Khánh, 2000: 66). Còn trong *Thiên đô chiếu*, vua Lý Công Uẩn đã chỉ ra một trong những nhân tố chủ yếu làm cho “vương nghiệp” của nhà vua lớn lao, thịnh vượng và dài lâu là mọi việc làm của nhà vua phải “vì thiên hạ”, phải làm cho “nhân dân được giàu của, nhiều người” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 160).

Như nhiều công trình nghiên cứu khẳng định: Phật giáo có vai trò đáng kể trong việc kiến tạo Hệ tư tưởng thống trị “Nho - Phật - Lão” cho nhà vua, Nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần. Hệ tư tưởng “Nho - Phật - Lão” là sự quán thông tinh thần và trách nhiệm của mỗi “giáo” đối với con người, xã hội: Dĩ Phật trị tâm, dĩ Đạo trị thân, dĩ Nho trị thế. Cái cốt yếu của Phật giáo là làm cho tâm của mỗi người được an lạc, bởi tinh thần căn bản của Phật giáo là “Tâm an vạn sự an”. Hệ tư tưởng này còn là cơ sở lý luận chủ yếu, là định hướng cơ bản về mặt lý luận để chỉ đạo mọi hoạt động của nhà vua, Nhà nước

phong kiến thời Lý - Trần. Điều đáng lưu ý là, căn cứ chủ yếu và nội dung cơ bản của Hệ tư tưởng này là sự kết hợp giữa “đức hiếu sinh” của Phật giáo và triết lý “dân bản, hợp lòng dân” của Nho giáo. Có nghĩa là, “Hệ tư tưởng Nho - Phật - Lão” mà nhà vua, Nhà nước phong kiến trong thời Lý và thời Trần lấy làm căn cứ để kiến tạo, thực hiện đường lối trị nước không chỉ nhằm bảo vệ địa vị, vai trò và lợi ích của nhà vua, Nhà nước phong kiến mà còn chủ yếu là để bảo dân - an dân, là nhằm thực hiện những nhu cầu, nguyện vọng thiết thân, hiện thực của người dân. Chính với việc nhà vua, Nhà nước phong kiến trong thời Lý và thời Trần vận dụng tư tưởng Phật giáo vào đời sống chính trị, sử dụng triết lý nhân sinh và dân an lạc của Phật giáo vào thực hiện đường lối trị nước mà làm cho Phật giáo có vai trò rõ rệt hơn, hiệu quả hơn trong việc thực thi chính sách “Bảo dân - an dân” và trong xây dựng, phát triển đất nước và trong công cuộc bảo vệ nền độc lập dân tộc.

2.2. Vai trò của Phật giáo trong giáo dục đạo đức và trong đời sống tinh thần của người dân

Một trong những yêu cầu và cũng là mục đích của chính sách “Bảo dân - an dân” thời Lý - Trần là đáp ứng nhu cầu tinh thần - tâm linh của người dân và phải giáo dục cho người dân có đạo đức.

Qua những ghi chép trong các bộ *Quốc sử* và nhiều tài liệu nghiên cứu Phật giáo thời Lý - Trần cho thấy, trong thời Lý - Trần, theo thời gian, số lượng chùa, tháp Phật giáo được sửa chữa, được xây mới ngày càng nhiều. Nhà vua, Nhà nước phong kiến thời Lý, thời Trần đều khuyến khích và bằng mọi biện pháp để phát triển hệ thống chùa, tháp như cấp tiền của, huy động nhân công để xây sửa chùa, tháp, đúc chuông, dựng tượng Phật, cấp ruộng đất xây dựng chùa và nơi ăn ở, sinh hoạt của nhà sư, tín đồ. Thực tế này không chỉ nhằm mục đích gia tăng ảnh hưởng của Phật giáo đối với xã hội từ đội ngũ nhà sư và các ông vua chịu ảnh hưởng nhiều bởi Phật giáo mà còn cho thấy rõ ràng, nhu cầu tinh thần, nhu cầu tâm linh của nhiều tầng lớp người Việt ngày càng gia tăng và nhu cầu này cần phải được đáp ứng, thỏa mãn. Bên cạnh đó, với số lượng tín đồ Phật giáo ngày càng gia tăng, dân chúng như nhiều nhà Nho đã phải thốt lên là quá nửa làm sư cho thấy rõ ràng: Dân chúng càng ngày càng cần đến Phật giáo, tin theo Phật giáo. Người dân và nhiều tầng lớp người Việt thời Lý - Trần đã tìm thấy ở Phật giáo một chỗ dựa tinh thần làm cho tâm được an lạc và nhờ đó họ tin vào sự thánh thiện, vào tương lai tốt đẹp, vào sự ngự trị của đạo đức trong bộn bề của những phức tạp, khó khăn. Người dân tìm đến Phật giáo, dựa vào Phật giáo cũng là để “tâm được an”, để hy vọng và củng cố niềm tin vào một xã hội thái bình, quốc gia thịnh trị, muôn người an lạc.

“Bảo dân - an dân” là một trong những chính sách lớn của Nhà nước phong kiến đồng thời cũng là nhiệm vụ và mục đích chủ yếu của đường lối trị nước của các triều đại phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần. Song để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, mục đích này, điều cơ bản là người dân phải có đạo đức. Như đã trình bày, các nhà sư và nhà vua thời Lý - Trần đã nhận thức rõ ràng, người dân có đạo đức thì nhà vua, Nhà nước mới tập hợp, đoàn kết và phát huy có hiệu quả ý chí và sức mạnh của họ trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Ngoài ra, nhà sư và nhà vua thời Lý - Trần còn khẳng định rằng, làm cho dân có đạo đức là nhiệm vụ chủ yếu và là một trong những mục đích cơ bản của chính sách “Bảo dân - an dân”.

Một vấn đề có tính tất yếu là, để dân có đạo đức và vì vậy xã hội mới có đạo đức, có trật tự, có kỷ cương thì người dân phải được giáo dục đạo đức. Qua nghiên cứu cho thấy, trước đó và nhất là trong thời Lý - Trần, chùa, tháp không chỉ là nơi thờ tự, tu tập của tín đồ mà

còn là trường học, cơ sở giáo dục của Phật giáo. Đội ngũ giảng dạy trong những cơ sở giáo dục này là những nhà sư uyên thâm Phật học, Nho học. Đội ngũ học, tu tập ở những ngôi chùa là tín đồ và người dân. Nội dung học tập là những giáo lý, giáo luật của Phật giáo xoay quanh những vấn đề chủ yếu là đạo đức, triết lý nhân sinh và đạo làm người. Bên cạnh đó, người dạy - đội ngũ nhà sư còn dạy cả những tri thức về đạo đức, về đạo làm người của Nho giáo (tất nhiên chỉ những nội dung, tính chất nào của Nho giáo tương đồng với Phật giáo); về trách nhiệm của mình đối với dân tộc, với cộng đồng,... Rõ ràng ở đây cho thấy, Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc hình thành đạo đức cho con người - điều kiện cơ bản để người dân luôn trong “cảnh giới” an lạc, bình an.

2.3. Vai trò của Phật giáo trong việc chăm lo đời sống vật chất của người dân

Từ thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước và đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc, đội ngũ nhà sư, nhà tư tưởng và nhà vua Việt Nam thời Lý - Trần đã nhận thức đúng rằng, nhân dân là chủ nhân, là lực lượng chủ yếu có vai trò to lớn trong tiến trình xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước và chế độ chính trị. Do vậy, quan tâm đến đời sống vật chất của người dân, tạo cuộc sống bình yên, an lạc cho dân gắn liền và có ý nghĩa quyết định đến sự an nguy, hưng vong, thành bại của quốc gia, của chế độ chính trị và của vương nghiệp. Nhiều nhà vua, nhà tư tưởng Việt Nam thời Lý - Trần luôn cho rằng, chăm lo đời sống vật chất cho dân, tạo cho dân có sản nghiệp bền vững (hàng sản) là nội dung, là yêu cầu cơ bản của chính sách “Bảo dân - an dân”. Làm cho dân no đủ, thóc lúa và của cải của dân ngày thêm dồi dào là thực chất, là mục đích của Bảo dân, đồng thời đó còn là phương thức chủ yếu để an dân và làm cho dân an.

Từ những quan điểm cơ bản trên đây và vận dụng đức “hiếu sinh”, triết lý nhân sinh, từ bi hỷ xả và cứu khổ cứu nạn của Phật giáo vào thực tiễn trị quốc, an dân, nhiều nhà tư tưởng, nhà vua thời Lý, thời Trần đã bằng mọi biện pháp chăm lo, quan tâm đến đời sống của dân. Qua ghi chép trong các bộ *Quốc sử* cho thấy rõ, nhà vua thời Lý - Trần đã ban ra nhiều *chiếu, dụ, lệnh* yêu cầu đội ngũ quan lại các cấp, các địa phương phải thường xuyên thi hành chính sách Bảo hộ dân như phải dạy dân nuôi trồng, dệt vải, cùngth dân và giúp dân chăm lo việc nông trang của người dân. Không những thế, nhà vua còn yêu cầu quan lại phải giúp dân và cùng dân khắc phục thiên tai (bão lụt, hạn hán, lở đất, mất mùa,...), dịch họa (sâu bọ phá hoại mùa màng) và những tác động tiêu cực khác ảnh hưởng đến mùa màng, cuộc sống vật chất của người dân.

Để giảm thiểu sự đóng góp của dân, giảm thiểu khó khăn cho dân do thiên tai, dịch họa, do chiến tranh và trừng trị nạn cướp bóc, hành vi phá hoại tài sản, mùa màng... nhà Lý, nhà Trần chịu ảnh hưởng của Phật giáo đã thi hành nhiều biện pháp hết sức kịp thời như “đại xá cho thiên hạ”, “miễn giảm tô thuế, lao dịch”, “phát chẩn thóc, tiền, vải” cho dân. Qua ghi chép trong sử sách cho thấy, “Đại xá cho thiên hạ” là một trong những biện pháp lớn của nhà vua, Nhà nước phong kiến thời Lý - Trần. Biện pháp này được thực hiện thường xuyên hàng năm và được triển khai thêm khi có thiên tai, dịch họa, chiến tranh tàn phá ảnh hưởng đến đời sống vật chất của người dân. Đại xá cho thiên hạ còn được nhà vua, Nhà nước thực hiện nhân có sự kiện lớn như: khi nhà vua lên ngôi, nhà vua sinh hoàng tử, lập quốc hiệu, v.v. Chẳng hạn như mới lên ngôi hơn một năm, vào tháng 12 năm 1010, Lý Công Uẩn đã ban *chiếu* “đại xá các thuế khóa cho thiên hạ 3 năm, những người mồ côi, góa chồng, già yếu thiếu thuế đã lâu, đều cho tha cả” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 161). Hay như vào tháng 3 năm 1028, vừa lên ngôi, vua Lý Thái Tông không chỉ đại xá cho

thiên hạ mà còn “xuống chiếu cho lấy tiền lụa ở kho lớn ban cho thiên hạ” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 171). Trong những khi gặp đại hạn hay bị chiến tranh tàn phá nặng nề, không chỉ đại xá cho thiên hạ mà nhà vua, Nhà nước phong kiến do tiếp thu, vận dụng triết lý từ bi hỷ xả, cứu khổ cứu nạn của Phật giáo đã nhiều lần ban *chiếu* yêu cầu quan lại địa phương phải đặc biệt quan tâm và bằng nhiều biện pháp để cứu giúp dân nghèo, những người già cả, ốm yếu và người dân ở những nơi bị thiên tai, dịch họa, chiến tranh tàn phá. Sử sách đã ghi chép rằng, trong thời Lý - Trần, nhà vua nhiều lần “phát thóc chẩn cấp cho dân nghèo” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 253), cũng nhiều lần ban *chiếu*, *dụ*, *lệnh* yêu cầu, khuyên nhà giàu đem thóc để chẩn cấp cho dân nghèo. Như vào tháng 8 năm 1358, vua Trần Dụ Tông “xuống chiếu khuyên nhà giàu ở các lộ bỏ thóc ra để chẩn cấp cho dân nghèo, quan tư sở tại tính xem số thóc đã quyên ra bao nhiêu trả lại bằng tiền” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 384); và đến tháng 8 năm 1362, cũng nhà vua này đã “xuống chiếu cho các nhà giàu dâng thóc để phát chẩn cho dân nghèo, ban cho tước phẩm theo thứ bậc khác nhau” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 386). Hoặc như vào tháng 7 năm 1194, nhân hoàng thái tử Sảm chào đời, vua Lý Cao Tông đã xuống *chiếu* “Đại xá cho thiên hạ. Ban cho người già lão từ 70 tuổi trở lên mỗi người một tấm lụa” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 252).

Trong việc thực hiện chính sách “Bảo dân - an dân”, do chịu ảnh hưởng Phật giáo, nhà vua, Nhà nước phong kiến thời Lý - Trần đã bằng mọi biện pháp và dành sự quan tâm đặc biệt đối với những người dân có hoàn cảnh đặc biệt như già cả, ốm đau, không nơi nương tựa, nghèo đói và cả những người dân vùng xa xôi hẻo lánh, nơi biên giới. Để giảm thiểu những khó khăn, thiếu thốn, đói kém và bảo vệ sản xuất cho người dân, nhà vua và Nhà nước đã thực thi nhiều biện pháp nhằm đảm bảo đời sống vật chất, sự an bình và công việc sản xuất bình thường cho người dân; đồng thời ban ra nhiều *chiếu*, *dụ*, *lệnh* yêu cầu quan lại sở tại phải thực hiện các biện pháp bảo vệ tính mạng, tài sản, hỗ trợ dân và duy trì cuộc sống an lành cho người dân.

Ngoài ra, nhằm bảo vệ, bảo đảm đời sống vật chất, cuộc sống an lành cho người dân, các nhà vua thời Lý - Trần còn bằng mọi biện pháp ngăn chặn, trừng trị những hành động cướp bóc tiền của, phá hoại nhà cửa, mùa màng của dân. Như vào tháng 3 năm 1028, vừa mới lên ngôi, vua Lý Thái Tông đã ra lệnh: “ai dám cướp bóc tiền của dân thì chém” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 171) hay việc nhà vua này nhiều lần thân chinh đem quân trị loạn, dẹp cướp của giết người ở vùng biên giới (từ năm 1041 đến năm 1048) mà sử sách đã ghi chép.

Không chỉ bảo vệ tài sản của dân, trong thời Lý - Trần, nhằm “Bảo dân” và “an dân”, nhà vua và Nhà nước phong kiến còn tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người dân sản xuất, đảm bảo đời sống. Như sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Vào tháng 6 năm 1179, vua Lý Cao Tông “xuống chiếu cấm mắm muối và đồ sắt không được bán đổi ở đầu nguồn” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 249). Hay khi bắt được người nước ngoài vào nước ta mua bán ngọc trai, mò tìm ngọc trai, nhà vua đều thẳng tay trị tội (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 377).

Điều đặc biệt ở đây cần phải chỉ ra rằng, do chịu ảnh hưởng bởi triết lý nhân sinh và quán thông tinh thần “vô trụ”, “vô chấp”, “hòa quang đồng trần” và “cứu độ chúng sinh” của Phật giáo, dân trong quan niệm của nhiều nhà sư, nhà vua thời Lý - Trần không chỉ là người dân Việt mà còn là người dân nước ngoài. Theo đó, tất cả họ đều là “dân sinh”, đều có tính Phật và đều là người “ruột thịt” của nhà vua. Như vua Trần Minh Tông đã nói: “Hết thảy dân sinh đều là người ruột thịt của ta” (Đinh Gia Khánh, 2000: 109) hay như lời của Lý Thường Kiệt: “chỉ có phân biệt quốc thổ, không phân biệt dân” (Đinh Gia Khánh,

2000: 67). Chính từ quan điểm nhân sinh đậm tính nhân ái, nhân văn này, trong suốt thời Lý - Trần, nhà vua và Nhà nước phong kiến đã bằng mọi biện pháp để không chỉ bảo vệ tính mạng, tài sản của người dân bên kia biên giới mà còn tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ an tâm sản xuất hay giúp đỡ họ có thêm điều kiện cho họ sản xuất: cấp đất làm nhà, sản xuất và cung cấp công cụ sản xuất,... Hoặc đối với những người nước ngoài sang nước ta để sinh sống, buôn bán, nhà vua và Nhà nước phong kiến thời Lý - Trần đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi và giúp đỡ họ nhanh chóng ổn định đời sống. Như vào tháng 12 năm 1044, vua Lý Thái Tông đã ra lệnh: “đặt trạm Hoài Viễn ở bờ sông Gia Lâm, để làm chỗ nghỉ ngơi cho người nước ngoài đến châu” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 190) hay nhà vua này đã sai người đặt cung riêng làm chỗ ở cho phụ nữ Chiêm Thành sang nước ta xem hội đèn Quảng Chiêu ở Long Trì (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 216, 225). Và nhằm tạo cho cái tâm của họ được an, được sống như những gì họ đã sống khi còn trong nước của họ, nhà vua Việt Nam thời Lý - Trần còn cho phép những người từng sang xâm lược nước ta được phép ăn ở theo nhu cầu của họ. Như vào tháng 9 năm 1044, vua Lý Thái Tông ban *chiếu* cho thả 5000 chiến tù người Chiêm Thành và cho họ được phép theo bộ thuộc của họ, được ở nhiều trấn của Nghệ An, được đặt hương ấp phỏng theo danh hiệu cũ của Chiêm Thành (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 190).

Như vậy là, từ những tri thức về Phật giáo và vận dụng nhiều triết lý nhân sinh giàu tính nhân văn, nhân bản của Phật giáo vào việc trị quốc an dân, nhà sư, nhà tư tưởng và nhà vua Việt Nam thời Lý - Trần đã bằng nhiều biện pháp nhằm bảo vệ, chăm lo, quan tâm đến đời sống vật chất và đảm bảo môi trường sống an lạc cho người dân, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn. Chính sách “Bảo dân - an dân” với những yêu cầu, mục tiêu cụ thể, đã được thực hiện có hiệu quả. Điều này không thể phủ nhận vai trò to lớn của Phật giáo thời Lý - Trần.

2.4. Vai trò của Phật giáo trong việc bảo vệ tính mạng, cuộc sống an bình của người dân

Tính mạng của người dân được bảo vệ, cuộc sống an bình của người dân được đảm bảo là những quyền cơ bản của người dân mà bất kỳ một Nhà nước hay thể chế chính trị vì dân phải thực hiện.

Trong thời Lý - Trần, bảo vệ tính mạng của người dân và đảm bảo cuộc sống an bình của người dân là yêu cầu, phương châm cơ bản và là nhiệm vụ chủ yếu của chính sách “Bảo dân - an dân”. Yêu cầu, phương châm và nhiệm vụ này được quán thông và được nhiều nhà vua, Nhà nước phong kiến thời Lý - Trần thực hiện. Từ chỗ luôn coi dân là “ruột thịt” của nhà vua và nhà vua là cha mẹ của muôn dân, nhà vua, Nhà nước phong kiến chịu ảnh hưởng của Phật giáo và vận dụng triết lý nhân sinh, từ bi hỷ xả, cứu khổ cứu nạn của Phật giáo, đã bằng mọi biện pháp để bảo vệ tính mạng, tài sản và cuộc sống an lành của người dân. Như nhiều nhà vua ban ra nhiều *chiếu*, *lệnh* trừng trị những kẻ cướp của, giết người. Đặc biệt, ngay cả những người dân phạm tội, vi phạm pháp luật cũng được sự ân sủng, khoan giảm từ phía nhà vua, Nhà nước. Vua Lý Thánh Tông đã từng nói: “Ta yêu con ta, cũng như lòng ta làm cha mẹ dân, nhân dân không biết mà mắc vào hình pháp, ta rất lấy làm thương. Từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ, đều nhất luật khoan giảm” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 196)... Và khi mùa đông đến, chính nhà vua này đã bảo các quan tả hữu rằng: “Trẫm ở trong cung nào lò sưởi ngự, nào áo lót cầu còn rét như thế này, nghĩ đến người tù giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa biết rõ ngay gian, mà ăn không no bụng, áo không kín mình, gió rét khổ thân, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót. Vậy hạ lệnh cho hữu ty phát chẩn *chiếu* và mỗi ngày hai lần phát cơm” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 194).

Trong thời Lý - Trần, nhằm bảo vệ tính mạng, cuộc sống yên bình cho người dân (nhất là nhân dân vùng biên giới), nhà vua, Nhà nước phong kiến đã thực hiện khá kiên quyết và kịp thời việc ngăn chặn, trừng trị những người, những băng đảng phạm tội cướp của, giết người, làm loạn. Đối tượng gây ra tình trạng này chủ yếu là các thủ lĩnh, các băng đảng trong các bộ tộc người Việt và người dân, băng đảng ở các nước láng giềng (Trung Hoa, Ai Lao, Chân Lạp, Chiêm Thành). Như sử sách đã ghi chép: Vào tháng 2 năm 1011, lên ngôi chưa được bao lâu, vua Lý Công Uẩn đã sai sáu quân đi đánh dẹp giặc cướp, đốt bộ lạc của chúng, bắt kẻ đầu sỏ đem về (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 162)... Rồi vào tháng 10 năm 1013, chính nhà vua nay đã thân chinh đi đánh dẹp bọn phản loạn ở châu Vị Long; rồi đến tháng 1 năm 1014, vua sai người đem quân đi đánh 20 vạn người Man vào cướp của, giết người, chém hơn một vạn tên, bắt sống nhiều quân lính (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009:163). Hay dưới thời vua Lý Thái Tông trị vì (1028-1054), nhà vua đã nhiều lần thân chinh hoặc sai người đánh dẹp nhiều băng đảng cướp của, giết người nhiều châu, đạo ở vùng biên giới phía Bắc nước ta (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 180).

Đến thời Trần, trước tình trạng “giặc cướp nổi dậy như ong”, nhiều vua Trần thân chinh đem quân hoặc sai người đem quân đánh dẹp bọn cướp của giết người, làm loạn. Sử sách đã ghi chép các ông vua Trần như Trần Thánh Tông, Trần Hiến Tông, Trần Duệ Tông, Trần Dụ Tông đã thân chinh lãnh đạo quân dân hoặc ban nhiều *chiếu, dụ, lệnh* sai người đem quân trừng trị bọn cướp của giết người, làm loạn để bảo vệ tính mạng, tài sản và cuộc sống bình an cho người dân.

Không chỉ đánh dẹp, trừng trị bọn giết người, cướp của, phản loạn, nhằm loại trừ triệt để mầm mống gây ra thực trạng này, nhà vua, Nhà nước phong kiến thời Lý - Trần còn bằng nhiều biện pháp như võ vè, an ủi nhân dân vùng biên giới hoặc đem cung nhân hay con gái của mình gả cho các tù trưởng ở các châu vùng biên giới. Như vào tháng 8 năm 1226, vua Trần Thái Tông đem cung nhân của vua Lý Huệ Tông và các con gái thân thích họ Lý gả cho các tù trưởng người Man (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 2009: 226).

Trong thời Lý - Trần, Nhà nước phong kiến không chỉ phải đối mặt và trừng trị kịp thời tình trạng “nội loạn” mà còn phải luôn đối mặt với nhiều hành động xâm lấn đất đai, cướp của, giết người từ các nước láng giềng. Nhằm loại trừ có hiệu quả tình trạng này và để bảo vệ tài sản, tính mạng, an ninh, an bình cho người dân, các nhà vua Việt Nam thời Lý - Trần đã thi hành ba chính sách vừa kiên quyết, vừa linh hoạt, mềm dẻo đó là: *Thứ nhất*, là ngăn ngừa, trấn áp mọi hành động xâm lấn đất đai, cướp của, giết người của người và băng đảng nước ngoài. Thực hiện chính sách này, nhiều nhà vua hoặc thân chinh sai người đem quân dân trừng trị kịp thời và kiên quyết các hành động xâm lấn, phá hoại nhà cửa, mùa màng, cướp của, giết người, làm loạn của người nước ngoài để bảo vệ tính mạng, tài sản, mùa màng và cuộc sống an bình của nhân dân vùng biên giới, an ninh của vùng biên giới. *Thứ hai*, đó là ngăn chặn các âm mưu và chống lại các hành động xâm lược từ các nước láng giềng, nhất là từ Trung Quốc và các nước láng giềng phía Nam, Tây Nam như Ai Lao, Chiêm Thành. Tiêu biểu nhất là 3 lần đánh thắng quân Nguyên - Mông dưới thời Trần của quân dân Đại Việt. Thực hiện chính sách thứ hai này, với trách nhiệm là nhà vua đối với dân, với nước, mang trong mình triết lý nhân sinh và đạo “hiếu sinh” của Phật giáo, nhiều nhà vua thời Lý - Trần đã xông pha ngoài chiến tuyến lãnh đạo quân dân Đại Việt chống quân xâm lược, đánh đuổi chúng khỏi bờ cõi để bảo vệ tính mạng của người dân, cuộc sống an bình của muôn dân và giữ vững nền độc lập dân tộc. *Thứ ba*, là thi hành đường lối ngoại giao vừa linh hoạt, mềm dẻo vừa kiên quyết để giảm thiểu sự hy sinh, mất mát của người dân và giữ vững cuộc sống an bình của người dân và nền độc lập, chủ quyền của quốc gia. Thực hiện chính sách này, qua những ghi chép trong các bộ *Quốc sử*

cho biết rằng, triết lý nhân sinh, triết lý từ bi, hỷ xả, cứu khổ cứu nạn và tinh thần vô chấp, vô trụ, bình đẳng, hòa quang đồng trần của Phật giáo đã được nhiều nhà tư tưởng, nhà vua Việt Nam thời Lý - Trần vận dụng vào việc hình thành và thực hiện chính sách ngoại giao nhằm kiến tạo và duy trì môi trường hòa bình, hữu hảo với các nước láng giềng. Tất cả là để đạt được mục đích cuối cùng là làm cho “quốc thái, dân an lạc”, mọi người và mọi sinh linh đều yên ổn, an vui trong cảnh thái bình. Để thực hiện có hiệu quả chính sách ngoại giao này, nhà vua, nhà nước phong kiến thời Lý - Trần đã bằng nhiều biện pháp, việc làm khôn khéo, mềm dẻo, linh hoạt, như duy trì việc cống nạp và chấp nhận sách phong với người Trung Hoa; trả lại tù binh chiến tranh và người nước ngoài bị bắt khi sang nước ta cướp của, giết người, làm loạn, giao nộp kẻ “phản nghịch” cho các quốc gia láng giềng; tạo mọi điều kiện thuận lợi về nơi ăn chỗ ở, sản xuất, buôn bán cho người dân nước ngoài khi sang nước ta, v.v..

Thi hành chính sách ngoại giao này, nhà vua, nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần không chỉ nhằm đảm bảo tính mạng, cuộc sống bình an cho người dân Việt mà cho cả người dân ở các nước láng giềng. Đây chính là điểm sáng của chính sách thân dân, chính sách “Bảo dân - an dân” của chế độ phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần dưới ảnh hưởng của Phật giáo.

3. Kết luận

Những kết quả nghiên cứu về vai trò của Phật giáo trong việc hình thành và thực hiện chính sách “Bảo dân - an dân” thời Lý - Trần cho thấy rõ rằng, tư tưởng Phật giáo, việc làm của đội ngũ nhà sư và với việc nhà vua, nhà nước phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần dựa vào và vận dụng nhiều nội dung của triết lý nhân sinh, từ bi hỷ xả, cứu khổ cứu nạn và tinh thần vô chấp, vô trụ, hòa quang đồng trần của Phật giáo đã góp phần đáng kể vào việc hình thành và thực thi chính sách “Bảo dân - an dân”. Chính sách này là một trong những nội dung cơ bản của đường lối trị quốc của các triều đại phong kiến Việt Nam thời Lý - Trần. Vai trò này của Phật giáo là biểu hiện cụ thể, hết sức quan trọng của những đóng góp thiết thực của Phật giáo trong xây dựng, phát triển quốc gia Đại Việt hùng cường, vững mạnh và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc thời Lý - Trần. Chính vai trò này là nhân tố chủ yếu làm cho Phật giáo thời Lý - Trần trở thành giai đoạn phát triển cao nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thời phong kiến.

Tài liệu tham khảo

- Đại Việt sử ký toàn thư*. (2009). Nxb. Văn hóa - Thông tin.
- Đình Gia Khánh. (2000). *Văn học Việt Nam (Thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII)*. Nxb. Giáo dục.
- Lê Mạnh Thát. (2000). *Toàn tập Trần Nhân Tông*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Mạnh Thát. (2002). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. (3 tập). Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Duy Hinh. (1999). *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Lang. (1992). *Việt Nam Phật giáo sử luận*, toàn tập. Nxb. Văn học.
- Thích Huệ Thông. (2024). Ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến xây dựng nhà nước và pháp luật thời Lý, Trần. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
- Thích Khế Chơn. (2024). Vai trò của Phật giáo đối với xã hội Đại Việt thời Lý, Trần. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
- Thích Thanh Từ. (1992). *Thiền sư Việt Nam*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thiện Nhơn. (2024). Phát huy giá trị tư tưởng Phật giáo thời Lý, Trần trong xây dựng nền tảng đạo đức xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
- Trần Văn Giáp. (1968). *Phật giáo Việt Nam*. Tủ thư Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản.
- Viện Văn học. (1989). *Thơ văn Lý - Trần*. t.2. Nxb. Khoa học xã hội.